

THỰC HIỆN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH

*Cẩm Nang Dành Cho
Giáo viên*



Mục Lục

01

Đặc điểm người lao động thời đại số

1.1 Đặc điểm thế giới nghề nghiệp thời đại số	04
1.2 Yêu cầu chung cho người lao động thời đại số	08

02

Học sinh chọn nghề như thế nào?

2.1 Khái niệm chung về hướng nghiệp	11
2.2 Vai trò và mức độ ảnh hưởng các bên tham gia (stakeholders)	12
2.3 Các yếu tố khác ảnh hưởng đến quá trình định hướng nghề nghiệp của học sinh	16

03

Quyết định nghề nghiệp thấu đáo - đủ thông tin

3.1 Thế nào là một quyết định nghề nghiệp đủ thông tin?	19
3.2. Các thành phần của Quyết định nghề nghiệp đủ thông tin	20

04

Đồng hành cùng học sinh	22
-------------------------	----

Phụ lục: Câu chuyện chọn nghề	31
-------------------------------	----

Nguồn tham khảo	39
-----------------	----



ĐẶC ĐIỂM THỂ GIỚI LAO ĐỘNG THỜI ĐẠI SỐ

1.1 Xu hướng công việc thời đại số

“Thế giới nghề nghiệp” đề cập đến tất cả các ngành nghề, các công việc tồn tại trong xã hội và các thành tố liên quan như người lao động, người sử dụng lao động, thị trường lao động, v.v. Thế giới nghề nghiệp hiện nay vô cùng rộng lớn với hàng nghìn nghề nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trang web O*Net (Bộ Lao Động Hoa Kỳ) Job Zone Job Zone Four: Considerable Preparation Needed phân loại 16 nhóm ngành nghề với 1016 công việc tiêu biểu.

Trong thời đại số 4.0 và trong thời gian không xa là 5.0, thế giới nghề nghiệp đang trải qua sự biến đổi sâu sắc và liên tục. Ví dụ như công việc đánh máy chữ trước đây từng được xem là một nghề phổ biến nhưng hiện nay đã gần như biến mất khi một nội dung bằng giọng nói có thể nhanh chóng chuyển thành văn bản bằng công nghệ. Do đó, để một cá nhân có thể đưa ra một lựa chọn công việc hoặc nghề nghiệp phù hợp và có tiềm năng phát triển thì bên cạnh việc nhận diện được các đặc điểm của bản thân, có kiến thức và thông tin về xu hướng phát triển của ngành nghề là yêu cầu không thể thiếu.

Dưới đây là ba xu hướng quan trọng của thị trường lao động hiện nay:

1.1.1 Mất dần tính ổn định do chịu tác động mạnh mẽ của Tự động hóa và Trí tuệ nhân tạo (AI)

Thách thức: công nghệ Tự động hóa và Trí tuệ nhân tạo ngày càng được ứng dụng rộng rãi, đang thay thế rất nhiều công việc. Trong đó, những công việc có khả năng bị thay thế sớm là những công việc có tính chất lặp đi lặp lại (giao dịch viên ngân hàng, thu ngân, nhân viên nhập liệu, thiết kế đồ họa, thư ký luật, v.v.), công việc tiếp xúc với hóa chất độc hại, hoặc công việc nguy hiểm.

Do hạn chế cơ hội được tiếp cận, đào tạo kỹ năng sử dụng các công nghệ số cũng như khả năng tiếp thu, làm quen với những công cụ này, phụ nữ, người lớn tuổi và nhóm yếu thế có thể gặp nhiều bất lợi khi tìm việc hoặc để thích ứng với yêu cầu mới của công việc. Ngoài ra, biến đổi khí hậu cũng tác động mạnh đến các ngành nghề ở khu vực nông thôn và ven biển.



Ảnh: freepik/ DC Studio

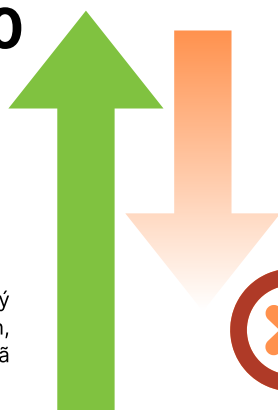
Cơ hội: Bên cạnh hàng triệu công việc mất đi, lại có hàng triệu công việc mới xuất hiện, đặc biệt trong các ngành đang trên đà phát triển mạnh liên quan đến quản lý dữ liệu (big data), nông nghiệp xanh, chăm sóc sức khỏe, phát triển bền vững, giáo dục. Số lượng công việc mới xuất hiện lại nhiều hơn những công việc mất đi. Những công việc đòi hỏi sự sáng tạo, tư duy phản biện và cảm xúc con người vẫn rất cần thiết

Dự kiến năm 2030
170 triệu

việc làm mới sẽ xuất hiện



Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật, quản lý dữ liệu (big data), nông nghiệp xanh, chăm sóc sức khỏe và công tác xã hội sẽ phát triển.



việc làm của năm 2025
 sẽ biến mất



Các công việc lặp lại và sử dụng lao động phổ thông (như thư ký, giao dịch viên ngân hàng, hành chính văn phòng, v.v.) có nguy cơ cao bị thay thế bởi công nghệ.

**Theo số liệu của Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới, Báo cáo 2025 về Tương Lai Việc Làm*

1.1.2 Hình thức làm việc linh hoạt & Cơ hội nghề nghiệp toàn cầu:

Thách thức: Bên cạnh hình thức làm việc toàn thời gian vẫn đang là chủ đạo, nhiều hình thức làm việc mới đã xuất hiện như làm việc theo hợp đồng ngắn hạn, làm việc bán thời gian, hay làm việc dưới hình thức cộng tác. Người lao động cần có sự linh hoạt thích nghi, từ đó mở rộng cơ hội tiếp cận với các công ty, tổ chức có những hình thức làm việc khác nhau. Ngoài ra, xu hướng toàn cầu hóa đòi hỏi người lao động cần trang bị các kỹ năng để làm việc với các đồng nghiệp từ nhiều quốc gia, nền văn hóa khác nhau.

Cơ hội: Giờ đây, nhờ công nghệ hiện đại, chúng ta có thể kết nối làm việc trên toàn cầu. Bạn có thể làm việc cho một công ty ở bất kỳ nơi nào trên thế giới mà không cần rời khỏi Việt Nam, miễn là bạn đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của họ.

Theo Báo cáo Tiêu chuẩn làm việc mới (FYA, 2020), khoảng 11% công việc tại Úc do lao động nước ngoài đảm nhận.

1.1.3 Bộ kỹ năng cốt lõi của người lao động đã thay đổi

Thách thức: Kỹ năng sử dụng công nghệ số trở thành yêu cầu cơ bản (xem phần 2.2). Không chỉ giỏi chuyên môn, người lao động cần thành thạo các kỹ năng chuyển đổi như làm việc nhóm, giao tiếp trên nền tảng số, tư duy phản biện, quản lý cảm xúc,... . Nhóm kỹ năng này đang dần trở thành yêu cầu phải có của người lao động thời đại số.

Cơ hội: Nhờ được tiếp xúc với các nền tảng công nghệ từ rất sớm, thế hệ trẻ không gặp nhiều khó khăn để tự trang bị nhóm kỹ năng số cơ bản (xem phần 2.2). Ngoài ra, thành thạo và sử dụng hiệu quả kỹ năng chuyển đổi sẽ một ưu thế bởi vì phương thức tuyển dụng chú trọng kỹ năng đang dần phổ biến bên cạnh phương thức tuyển dụng chú trọng bằng cấp.

85%



Doanh nghiệp

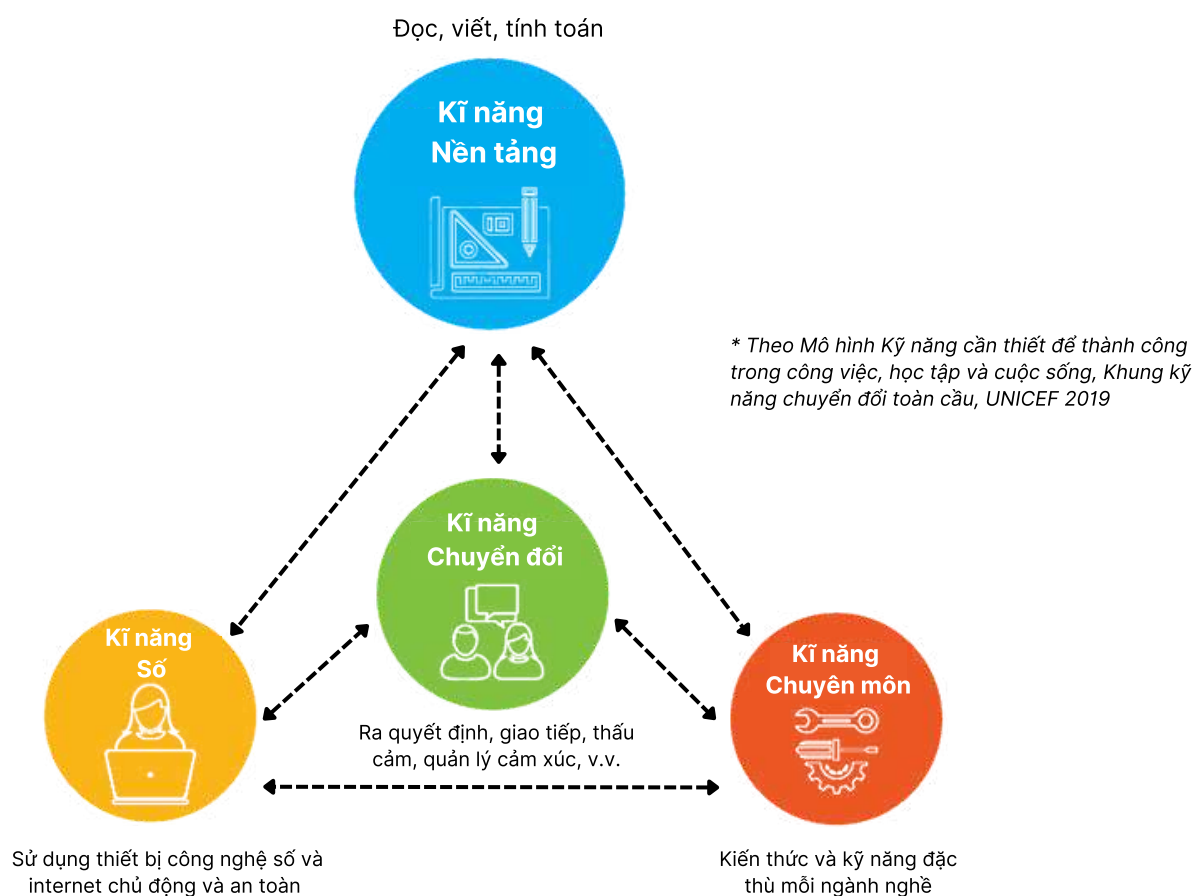
xem việc phát triển kỹ năng cho nhân viên là ưu tiên hàng đầu

* Theo số liệu của Diễn đàn Kinh tế thế giới năm 2025

Điều này có nghĩa là, nếu người lao động không ngừng học hỏi và trau dồi kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp sẽ rộng mở hơn.

1.2 Yêu cầu chung cho người lao động thời đại số

Theo dự báo của UNICEF, đến năm 2030, **hàng trăm triệu người trẻ có thể ra trường mà không đủ kỹ năng để làm việc**. Năm 2019, UNICEF giới thiệu **Khung kỹ năng chuyển đổi toàn cầu**, xác định những nhóm kỹ năng thiết yếu giúp người trẻ thành công thích nghi và phát triển trong thời đại số. Khung kỹ năng bao gồm bốn nhóm kỹ năng chính: nhóm kỹ năng nền tảng, nhóm kỹ năng số, nhóm kỹ năng chuyên môn và nhóm kỹ năng chuyển đổi.



- **Kỹ năng Nền tảng:** là các kỹ năng cơ bản như **đọc, viết, tính toán**. Đây là nhóm kỹ năng không thể thiếu của bất kỳ người lao động nào để có thể học tập và làm việc trong thời đại số.
- **Kỹ năng Số:** là các kỹ năng liên quan đến sử dụng các **thiết bị công nghệ số và internet** để kết nối xã hội, tìm kiếm thông tin, học hỏi hoặc chia sẻ kiến thức một cách chủ động, an toàn và sáng suốt.
- **Kỹ năng Chuyên môn:** là những **kiến thức và kỹ năng đặc thù** mỗi ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Người lao động được đào tạo kỹ năng chuyên môn để thực hiện một công việc cụ thể.
 - Ví dụ: một chuyên viên trang điểm cần có kiến thức về mỹ phẩm, về các loại da và kỹ năng trang điểm; hoặc kỹ sư nông nghiệp cần được đào tạo các kiến thức và kỹ năng liên quan đến cây trồng, vật nuôi, v.v.
- **Kỹ năng Chuyển đổi** (Kỹ năng mềm, Kỹ năng chung, v.v.): là những kỹ năng cần thiết và có thể áp dụng ở các công việc khác nhau, trong những môi trường làm việc khác nhau; bao gồm 3 nhóm kỹ năng là **nhóm kỹ năng tư duy** (ra quyết định, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch, v.v.), **nhóm kỹ năng xã hội** (giao tiếp, làm việc nhóm, v.v.) và **nhóm kỹ năng cảm xúc** (thấu cảm, quản lý cảm xúc, ứng phó với stress, v.v.). Nhóm kỹ năng chuyển đổi giúp người lao động làm việc hiệu quả, gia tăng khả năng thích nghi và ứng phó với các thách thức trong công việc và cuộc sống.



HỌC SINH CHỌN NGHỀ NHƯ THẾ NÀO?

2.1 Khái niệm chung về hướng nghiệp

“Hướng nghiệp là các dịch vụ nhằm hỗ trợ mọi người, ở mọi lứa tuổi và tại mọi thời điểm trong cuộc đời, đưa ra các lựa chọn về giáo dục, đào tạo và nghề nghiệp và quản lý sự nghiệp của họ. Hướng nghiệp giúp mọi người suy ngẫm về ước vọng, sở thích, trình độ và khả năng của mình; giúp họ hiểu thị trường lao động và hệ thống giáo dục, và liên hệ điều này với những gì họ biết về bản thân.”

- Trung tâm quốc tế về giáo dục và đào tạo kỹ thuật và nghề nghiệp (UNESCO-UNEVOC)



Ảnh: freepik/ thanyakij-12

2.2 Vai trò và mức độ ảnh hưởng các bên tham gia (stakeholders)

Học sinh phải đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến định hướng nghề nghiệp vào hai thời điểm then chốt: lớp 9 và lớp 12.

Hai câu hỏi quan trọng học sinh cần trả lời vào cuối năm lớp 9:

- ◆ Mình có khả năng theo đuổi con đường học đại học hay sẽ đi làm sau khi tốt nghiệp THPT?
- ◆ Mình sẽ chọn học khối nào - tổ hợp môn nào?

Ba câu hỏi quan trọng học sinh cần trả lời vào cuối năm lớp 12:

- ◆ Mình sẽ đi làm hay tiếp tục học lên cao?
- ◆ Mình muốn làm gì sau khi ra trường? Công việc đó yêu cầu học ngành gì?
- ◆ Trường nghề, trung cấp, cao đẳng hay đại học – đâu là con đường phù hợp với mình?

Tất cả những câu hỏi trên đều đòi hỏi người trả lời phải hiểu rõ bản thân và nắm được đặc điểm của từng lựa chọn để có quyết định sáng suốt. Tuy nhiên, đôi khi chúng ta kỳ vọng học sinh đưa ra lựa chọn đúng đắn mà quên rằng các em vẫn đang trong quá trình khám phá bản thân và thế giới.

Vì thế hỗ trợ học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp đòi hỏi các bên tham gia nhận thức rõ vai trò và cách thức tác động hiệu quả:



Học sinh

Học sinh là nhân tố trung tâm trong quá trình định hướng nghề nghiệp (ILO, 2021). Học sinh cần được khuyến khích chủ động và chịu trách nhiệm trong quá trình khám phá và lựa chọn con đường phù hợp với bản thân. Học sinh có thể tham khảo lời khuyên, thông tin từ gia đình, thầy cô, bạn bè, chuyên viên hướng nghiệp, v.v.. Thông qua đó, các em chính là người cuối cùng đưa ra lựa chọn và quyết tâm theo đuổi mục tiêu.



Gia đình

Gia đình, đặc biệt là cha mẹ, đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình định hướng nghề nghiệp của học sinh. Theo truyền thống nước ta, con cái coi trọng ý kiến và có khuynh hướng làm vui lòng cha mẹ, ngay cả trong việc chọn lựa nghề nghiệp cho bản thân (Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, 2013). Thông qua sự quan sát hoặc trao đổi trực tiếp về trải nghiệm công việc của cha mẹ, học sinh có thể xây dựng các “chuẩn” về giá trị công việc, về sự thành công. Quyết định lựa chọn nghề nghiệp hay lộ trình học tập của học sinh cũng bị chi phối bởi những tiêu chí tham khảo từ gia đình như mức độ ủng hộ của cha mẹ, khả năng tài chính của gia đình v.v.

Ví dụ: Một bạn học sinh lớn lên trong gia đình có ba mẹ buôn bán vất vả, thường nghe họ mong con có công việc “ổn định, không phải thức khuya dậy sớm”. Có thể em sẽ dần hình thành suy nghĩ công việc tốt phải là làm tại văn phòng, máy lạnh, sạch sẽ, không

phải làm việc chân tay. Các “chuẩn” giá trị này tác động không nhỏ đến sự lựa chọn nghề nghiệp tương lai của em.



Trường học và giáo viên

Trường học đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tương lai nghề nghiệp của học sinh qua việc cung cấp các chương trình đào tạo khác nhau như chương trình phổ thông, chương trình chuyên, khối tự nhiên, khối xã hội, v.v.. Bên cạnh các nội dung chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tế là điều kiện để học sinh tìm hiểu đặc điểm bản thân, công việc thực tế và các lựa chọn cơ sở giáo dục sau này.

Ví dụ:

- Một học sinh theo học tại trường có thể mạnh về khối tự nhiên thường được tham gia nhiều cuộc thi và dự án liên quan đến Toán, Lý, Hóa, Sinh. Nhờ đó, năng lực ở các môn này ngày càng phát triển. Những nghề nghiệp liên quan đến khối tự nhiên cũng được nhắc đến thường xuyên hơn, khiến em dần nghiêng về các lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực này, mà có thể từ bỏ khám phá ngành nghề khác.

Với kinh nghiệm sống, nền tảng học vấn và sự hiểu biết sâu về chuyên môn, giáo viên có thể tác động đến quá trình lựa chọn nghề nghiệp của học sinh bằng nhiều cách.

- Thầy cô có thể trò chuyện, lắng nghe những suy nghĩ và dự định của học sinh và đưa ra những ý kiến bổ sung hoặc phản biện, giúp học sinh hiểu rõ bản thân hơn.
- Thầy cô có thể tạo điều kiện, khuyến khích học sinh chủ động trong hành trình xác định nghề nghiệp tương lai.
- Quan trọng hơn hết, thầy cô có thể kết nối nội dung giảng

dạy với các công việc trong cuộc sống hoặc tạo không gian để các em thực hành luyện tập các kỹ năng chuyển đổi (xem [Yêu cầu chung cho người lao động thời đại số, mục I, phần 2](#)).



Bạn bè và mạng xã hội

Đối với học sinh gen Z, bạn bè đồng trang lứa có sức ảnh hưởng rất lớn tới quyết định có nên quan tâm hoặc tìm hiểu sâu nghề nghiệp nào đó không (Schaffer, K., & Wiens, J., 2019). Bạn bè có thể tác động đến nhận định của học sinh về khả năng và giá trị của bản thân. Bên cạnh đó, nhận định của học sinh về giá trị một ngành nghề cũng chịu tác động không nhỏ từ các xu hướng và quan điểm chia sẻ trên mạng xã hội.

Ví dụ: Một học sinh có khả năng diễn đạt suy nghĩ rất tốt qua bài viết, thường đạt điểm cao môn Ngữ văn. Tuy nhiên, em bị nói lấp nhẹ nên gặp khó khăn khi trò chuyện với bạn bè. Vì điều đó, bạn bè hay nhận xét em thiếu ý tưởng hoặc không biết cách giao tiếp. Lâu dần, em cũng bắt đầu tin rằng mình thật sự có những điểm yếu đó.



Chuyên gia hỗ trợ

Các chuyên gia hỗ trợ quá trình định hướng nghề nghiệp của học sinh không chỉ làm việc trực tiếp với bản thân học sinh. Họ còn là người hướng dẫn, hỗ trợ cho các bên còn lại thực hiện tốt vai trò của mình như đã nêu ở trên. Qua đó học sinh được tạo điều kiện thuận lợi nhất để khám phá bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp và xây dựng các kỹ năng cần thiết để có thể đưa ra các lựa chọn nghề nghiệp đủ thông tin và thấu đáo.

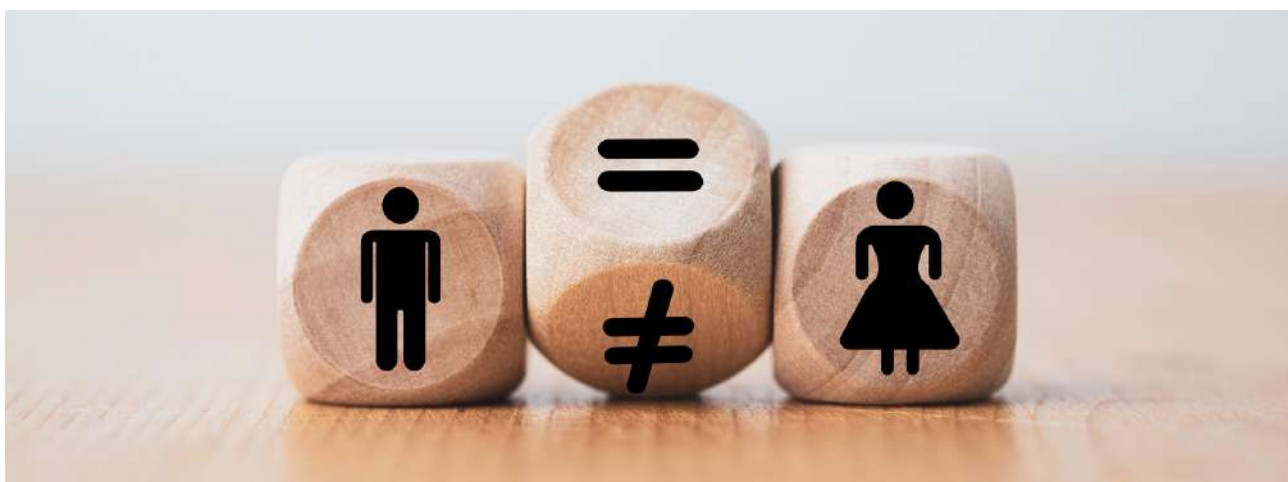
2.3 Các yếu tố khác ảnh hưởng đến quá trình định hướng nghề nghiệp của học sinh

Tâm sinh lý:

Học sinh ở độ tuổi trung học vẫn đang trong quá trình phát triển nhận thức về bản thân. Khả năng thấu hiểu sở thích, giá trị và năng lực nghề nghiệp của mình còn hạn chế. Nhiều em chưa thể tách biệt quan điểm cá nhân với ảnh hưởng từ gia đình hay bạn bè (Schaffer, K., & Wiens, J., 2019). Đối với gen Z, mạng xã hội có tác động đáng kể đến quá trình hình thành sở thích, tính cách và quan điểm của các em về giá trị nghề nghiệp (Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, 2015), ví dụ như nhiều em thích công việc ca sĩ vì thấy các ca sĩ thường xuất hiện lộng lẫy trên sân khấu và được chào đón.

Khi đưa ra quyết định nghề nghiệp, các em thường dựa trên một vài tiêu chí đơn giản, ví dụ:

- Muốn làm ca sĩ vì được khen hát hay, nhưng chưa biết nghề này cần người làm nghề có thêm tố chất, kỹ năng nào ngoài giọng hát.
- Chọn nghề theo số đông vì nghe nói “lương cao”, mà chưa xem xét nghề đó có phù hợp với khả năng của mình không.



Ảnh: Eugen Tamas's Images

Định kiến giới:

Định kiến giới là một rào cản làm giới hạn sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh. Quan niệm truyền thống về vai trò của nam và nữ khiến nhiều học sinh e ngại khi lựa chọn những ngành nghề không phổ biến đối với giới tính của mình cho dù ngành nghề đó thật sự phù hợp với năng lực (Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, 2015). Ví dụ như ngành phi công được cho là ngành chỉ dành cho nam giới, vì vậy nhiều gia đình và học sinh nữ e ngại khi cân nhắc.

Trong giai đoạn sớm, định kiến giới có thể kìm nén, ngăn chặn học sinh thể hiện sở thích, khả năng, năng khiếu thật sự nếu chúng trái với các quan niệm chung về giới tính đó. Tệ hơn, học sinh đó có thể phải nỗ lực thay đổi theo kỳ vọng của những người xung quanh.

Một bạn nữ thích và có năng khiếu sửa chữa máy móc, nhưng lại ngại bộc lộ vì sợ bị cho là “khác thường” so với hình ảnh nữ sinh nhẹ nhàng mà cha mẹ mong đợi. Điều này khiến em “giấu tài”, không tìm kiếm cơ hội trải nghiệm công việc đó hoặc nghĩ đến những cơ hội nghề nghiệp có liên quan.



QUYẾT ĐỊNH NGHỀ NGHIỆP ĐỦ THÔNG TIN

3.1 Thế nào là một quyết định nghề nghiệp đủ thông tin?

Với sự thay đổi nhanh chóng của công việc và thị trường lao động, việc chọn lựa nghề nghiệp của thế hệ trẻ ngày nay đã phức tạp hơn rất nhiều so với các thế hệ đi trước. Các em không đơn thuần lựa chọn một công việc phù hợp với bản thân mà còn phải đáp ứng yêu cầu của thời đại. Một quyết định như thế được gọi là “Quyết định nghề nghiệp đủ thông tin”. **Quyết định nghề nghiệp đủ thông tin không chỉ dựa vào đam mê hay năng lực, mà còn cần sự thấu hiểu về bản thân, yêu cầu công việc và xu hướng thị trường.**

Tham khảo các câu chuyện chọn nghề trong *Phụ lục (trang 31)*.



Ảnh: Pexels/Kaboompics.com

3.2 Các thành phần của Quyết định nghề nghiệp đầy đủ thông tin

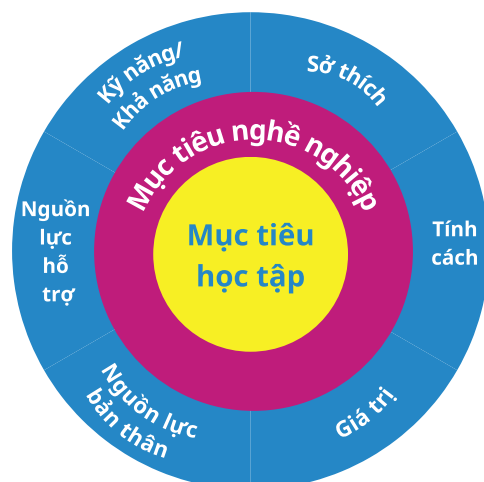
Để có được một quyết định đủ thông tin và thấu đáo, học sinh cần thu thập và cân nhắc các thông tin sau bao gồm:

- Thông tin về bản thân – bạn đã biết gì về con người của mình?
- Thông tin về các công việc tương ứng và thị trường lao động của công việc đó – bạn đã biết gì về công việc mà bạn đang hướng tới?
- Thông tin về những yếu tố vĩ mô có thể ảnh hưởng đến bản chất và thị trường lao động của công việc – bạn đã biết gì về những yếu tố có thể làm công việc bạn đang hướng tới thay đổi hoàn toàn?

3.2.1 Thông tin về bản thân

Theo mô hình Bánh xe nhận thức bản thân (The Self-awareness wheel) của Quỹ Phát triển nghề nghiệp Canada (Canadian Career Development Foundation), một người cần khám phá được các đặc điểm sau của bản thân để làm căn cứ lựa chọn nghề nghiệp:

- Sở thích
- Khả năng và kỹ năng
- Đặc điểm tính cách
- Giá trị mà cá nhân đó theo đuổi
- Các nguồn lực cá nhân tự có
- Các nguồn lực hỗ trợ



3.2.2 Thông tin về các công việc tương ứng và thị trường lao động của công việc đó

Trong phần này, những thông tin cần được thu thập bao gồm:

- Thông tin về đặc điểm công việc và yêu cầu cho người làm công việc đó
- Thông tin về thị trường lao động bao gồm nhu cầu tuyển dụng của công việc này và khả năng phát triển của công việc trong tương lai.

3.2.3 Thông tin về những yếu tố vĩ mô có thể ảnh hưởng đến bản chất và thị trường lao động của công việc

Thế giới nghề nghiệp liên tục biến động. Những yếu tố như công nghệ, kinh tế, văn hóa – xã hội có thể làm thay đổi bản chất của một công việc hoặc thậm chí khiến một số nghề biến mất hoàn toàn, và rất nhiều công việc mới được tạo ra.

Tuy nhiên, việc cập nhật thông tin về những thay đổi này có thể vượt quá khả năng của con. Vì vậy, cha mẹ, giáo viên và những người xung quanh đóng vai trò quan trọng trong việc giúp con tiếp cận thông tin chính xác.



ĐỒNG HÀNH CÙNG HỌC SINH

Đưa ra một quyết định thấu đáo là nền tảng quan trọng, nhưng **quan trọng hơn là học sinh có thể theo đuổi và đạt được mục tiêu đã chọn**. Các em chính là người sẽ đi trên hành trình đó, sẽ thực hiện tất cả việc cần làm. Để các em hiểu, tự tin và đủ kiên trì đi theo chọn lựa của mình, học sinh phải là người giữ vai trò chủ đạo và chịu trách nhiệm cho chọn lựa đó. Giáo viên là người đồng hành, hỗ trợ nhưng tuyệt đối không quyết định thay học sinh.

Trong **Cẩm nang dành cho Học sinh**, chúng tôi đã cung cấp **Biểu mẫu “Chọn đúng ngành – Làm đúng việc”** để giúp học sinh hệ thống thông tin và đưa ra quyết định có cơ sở. Sau khi dành thời gian nghiêm túc thực hiện đầy đủ theo đúng thứ tự và hướng dẫn của từng phần trong biểu mẫu, học sinh sẽ đạt được những lợi ích sau:

- Xác định rõ sở thích, điểm mạnh, điểm yếu và những đặc điểm nổi trội khác của bản thân có thể sử dụng để chọn lựa nghề nghiệp;
- Biết cách tìm hiểu về nghề nghiệp và những thông tin quan trọng có liên quan;
- Tìm ra những ngành nghề tương thích với đặc điểm bản thân;
- Chọn lựa cơ sở giáo dục đào tạo phù hợp với nguồn lực của bản thân và gia đình;
- Có cơ sở vững chắc để tự tin thảo luận với gia đình, thầy cô về những lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Để đảm bảo học sinh thu thập đủ thông tin cho việc ra quyết định nghề nghiệp, biểu mẫu yêu cầu học sinh thực hiện một số hoạt động bao gồm tự suy ngẫm, làm bài trắc nghiệm, phỏng vấn lấy thông tin từ những người liên quan và tìm kiếm thông tin trên internet.

Các công việc này đòi hỏi học sinh có kỹ năng thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin nhất định. Đối với một số em, có thể sẽ cần sự hướng dẫn của giáo viên. Dưới đây là các gợi ý để giáo viên có thể hỗ trợ học sinh khai thác và thực hiện hiệu quả biểu mẫu.

Nội dung biểu mẫu	Yêu cầu cho học sinh	Giáo viên có thể hỗ trợ
Phần 1: Hiểu về bản thân		
Bảng H1: <i>Hiểu bản thân</i>	Không bỏ câu hỏi nào Phần trả lời càng chi tiết và có căn cứ càng tốt Phần trả lời dựa trên sự tự suy ngẫm của học sinh, kết hợp tham khảo ý kiến của bạn thân, người lớn tin cậy.	Giải thích những câu hỏi mà học sinh chưa hiểu rõ ý. Đưa ra câu hỏi bổ sung hoặc câu hỏi phản biện với các câu trả lời của học sinh. Tạo điều kiện, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động, chương trình ngoại khóa để hiểu thêm về sở thích, khả năng bản thân

Nội dung biểu mẫu	Yêu cầu cho học sinh	Giáo viên có thể hỗ trợ
Bảng H2 & Phụ lục 2: <i>Mã Holland</i> Phụ lục 3 (Trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp)	Đọc và hiểu đặc điểm của cả 6 nhóm Holland để tìm ra điểm tương đồng với bản thân. Nhận định về mã Holland của bản thân phải đi kèm với luận cứ xác đáng. Tập trung và thực hiện đúng hướng dẫn làm trắc nghiệm.	Tìm hiểu đặc điểm của 6 nhóm Holland qua tài liệu dưới đây và giải thích thêm cho học sinh: <u>Hướng nghiệp cùng trắc nghiệm tính cách Holland - Hướng nghiệp, chọn ngành cùng RMIT</u> Đối chiếu nhận định của học sinh về Mã Holland của bản thân với những đặc điểm thực tế của học sinh.
Bảng H3: <i>Danh sách công việc phù hợp</i>	Danh sách công việc lựa chọn phải tương thích với mã Holland của học sinh.	Đối chiếu danh sách công việc học sinh lựa chọn có tương thích với mã Holland của học sinh không. Bổ sung hoặc khuyến khích học sinh suy nghĩ, tìm hiểu các công việc tương thích khác mà giáo viên cho rằng khả thi với học sinh.

Nội dung biểu mẫu	Yêu cầu cho học sinh	Giáo viên có thể hỗ trợ
Phụ lục 1: <i>Giá trị nghề nghiệp</i>	Hiểu đúng định nghĩa của các giá trị để đưa ra lựa chọn	Giải thích cho học sinh một số khái niệm về giá trị có thể khó hiểu đối với học sinh
Phụ lục 4: <i>Danh mục nghề nghiệp</i>	Đọc và hiểu cách sử dụng danh mục nghề nghiệp Sử dụng danh mục này như một nguồn tham khảo các công việc tương thích với mã Holland bản thân. Từ đó học sinh có thể suy nghĩ đến những công việc có tính chất tương tự. Không chỉ giới hạn lựa chọn trong danh mục này.	Hướng dẫn học sinh đọc Danh mục nghề nghiệp. Đối chiếu danh sách công việc học sinh lựa chọn có tương thích với mã Holland của học sinh không. Bổ sung, khuyến khích tìm hiểu, suy nghĩ về các công việc khác ngoài bảng danh mục có tính chất tương tự với công việc học sinh lựa chọn.

Nội dung biểu mẫu

Yêu cầu cho học sinh

Giáo viên có thể hỗ trợ

Phần 2: Hiểu về công việc - thị trường lao động & cơ sở đào tạo

Bảng H4 & H5:
*Mô tả công
việc*

Tham khảo thông tin
nhiều nguồn bao gồm
Sách hướng nghiệp, các
trang web tuyển dụng,
các trang web thông tin
về ngành nghề để có
được thông tin cập nhật
và đa chiều về công
việc.

Phỏng vấn những người
đang làm công việc là
một nguồn thông tin
quan trọng.

Nếu có điều kiện, học
sinh nên trải nghiệm môi
trường làm việc thực tế
của công việc đó.

Hỗ trợ học sinh tìm kiếm
thông tin qua internet.
Hướng dẫn học sinh
tổng hợp, chắt lọc các
thông tin cơ bản.

Giáo viên có thể hướng
dẫn học sinh sử dụng
các công cụ AI như Chat
Gpt để tìm kiếm thông
tin. Tuy nhiên các thông
tin từ AI cần phải được
so sánh, đối chiếu với
các nguồn khác.

Tạo điều kiện, khuyến
khích học sinh đi phỏng
vấn trao đổi với người
đang làm công việc đó.

Dưới đây là một số
nguồn thông tin tham
khảo:

- [Sách tra cứu nghề - ILO](#)
- [VietnamWorks.com](#)
- [CareerViet.vn](#)
- [TopCV.vn](#)
- [1900.vn](#)
- [Onetonline.org](#)

Nội dung biểu mẫu	Yêu cầu cho học sinh	Giáo viên có thể hỗ trợ
Bảng H6: <i>Nguồn lực</i>	Tự tin thảo luận với ba mẹ về các câu hỏi trong bảng	Trao đổi với ba mẹ, giải thích công việc con đang làm, khuyến khích ba mẹ tạo điều kiện thoải mái để con tự tin thảo luận các câu hỏi trong bảng.
Bảng H7: <i>Tổng hợp</i>	Phân tích, so sánh thông tin của từng công việc đã lựa chọn trong bảng H4 & H5, đối chiếu với nguồn lực trong bảng H6 để ra được danh sách ưu tiên các công việc phù hợp với bản thân.	Đây là bảng khó nhất, yêu cầu học sinh tổng hợp tất cả thông tin đã thu thập trong các bản khác để so sánh, phân tích và đưa ra quyết định. Giáo viên cần hướng dẫn thực hiện các công việc trên. Đưa ra các ý kiến bổ sung, phản biện khi cần
Bảng H8 & H9: <i>Tìm hiểu ngành học /trường</i>	Tham khảo thông tin từ nhiều nguồn (giáo viên, trang web các trường đại học, trang web hướng dẫn tuyển sinh, v.v.) để hiểu rõ	Các thông tin ở đây liên quan đến tìm hiểu trường học và ngành học.

Nội dung biểu mẫu	Yêu cầu cho học sinh	Giáo viên có thể hỗ trợ
	về ngành và trường đang hướng tới. Sử dụng các câu hỏi trong bảng để thu thập thông tin trong các hoạt động tư vấn tuyển sinh.	Giáo viên hướng dẫn học sinh xây dựng danh sách các câu hỏi thiết yếu để hỏi tại các buổi tư vấn tuyển sinh tại trường hoặc các buổi tham quan cơ sở giáo dục đại học, v.v. Đặt câu hỏi bổ sung, phản biện giúp học sinh thu thập và chốt lọc thông tin có chất lượng Tham khảo một số lộ trình nghề nghiệp) đính kèm để hướng dẫn học sinh

Dưới đây là một số tiêu chí cho kết quả thực hiện biểu mẫu, Giáo viên có thể sử dụng để đánh giá kết quả và hỗ trợ học sinh:

Phần 1 - Hiểu bản thân

- Học sinh không bỏ qua bất kỳ câu hỏi nào.
- Học sinh nêu được dẫn chứng rõ ràng, phù hợp cho từng miêu tả về đặc điểm bản thân.
- Học sinh có trao đổi với gia đình, giáo viên, và bạn bè để có được thông tin đa chiều.
- Học sinh liệt kê được các công việc tương thích với đặc điểm bản thân và có thể trình bày cơ sở xác đáng cho các lựa chọn này.

Phần 2 - Hiểu về công việc và thị trường lao động

- Mô tả chi tiết về yêu cầu công việc, thị trường lao động và khả năng phát triển của công việc.
- Sử dụng các nguồn thông tin tham khảo có cơ sở và đáng tin cậy (theo hướng dẫn).
- Xác định được công việc tối ưu phù hợp với đặc điểm bản thân và thị trường lao động và có thể trình bày cơ sở xác đáng cho lựa chọn này.
- Về kế hoạch học tập: chọn được ngành học tạo nền tảng để học sinh có thể làm được công việc tối ưu đã chọn; và cơ sở đào tạo khả thi, phù hợp với nguồn lực của học sinh.



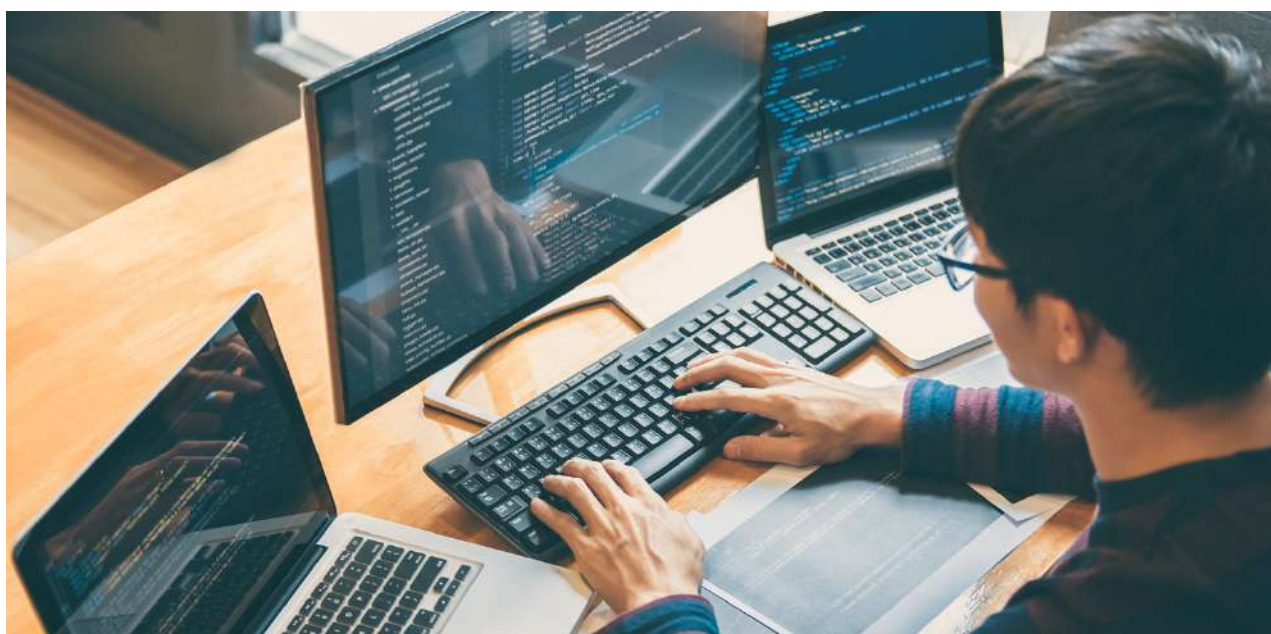
PHỤ LỤC

CÂU CHUYỆN CHỌN NGHỀ

Câu chuyện 1: Đam mê tin học – lập trình có phải là con đường phù hợp?

Từ nhỏ, Minh đã rất thích những thứ liên quan đến máy tính. Em có thể ngồi hàng giờ tìm hiểu cách cài đặt phần mềm, chỉnh sửa giao diện, hay khám phá các tính năng mới. Em thích cảm giác “hiểu biết” về công nghệ, hay được bạn bè nhờ sửa lỗi máy. Khi đến năm 12, em và gia đình tin rằng ngành Phát triển phần mềm sẽ là lựa chọn phù hợp, bởi em giỏi tin học và yêu thích máy tính.

Minh tự tin bước vào năm nhất đại học, háo hức với những môn học lập trình. Nhưng chỉ sau vài tháng, em dần nhận ra mọi thứ không như tưởng tượng. Việc viết code không đơn giản như cài phần mềm hay sửa lỗi máy. Hàng giờ ngồi trước màn hình, xử lý những đoạn code khô khan và debug liên tục khiến em căng thẳng. Minh bắt đầu cảm thấy chán nản, không còn hào hứng như trước.



Ảnh: Getty Images Pro/Ngampol Thongsai

Dần dần, Minh nhận ra những đặc điểm khác của bản thân có vẻ không phù hợp với lập trình. Em là người hướng ngoại, thích giao tiếp, thích giải thích và hướng dẫn người khác hơn là ngồi lặng lẽ để giải quyết từng dòng lệnh. Em làm việc hiệu quả khi có tương tác và phản hồi tức thì, nhưng việc lập trình đòi hỏi tính độc lập, kiên trì thử nghiệm, sửa lỗi, nhiều khi mất hàng ngày chỉ để tìm ra một vấn đề nhỏ. Trong khi bạn bè hào hứng với thuật toán và tối ưu hiệu suất, Minh lại cảm thấy mình thiếu sự tỉ mỉ, kiên nhẫn cần có của một lập trình viên.

Minh bắt đầu tự hỏi: ***Minh thích công nghệ, nhưng có thực sự thích công việc lập trình không? Hay mình chỉ thích việc ứng dụng công nghệ và hỗ trợ người khác sử dụng nó?***



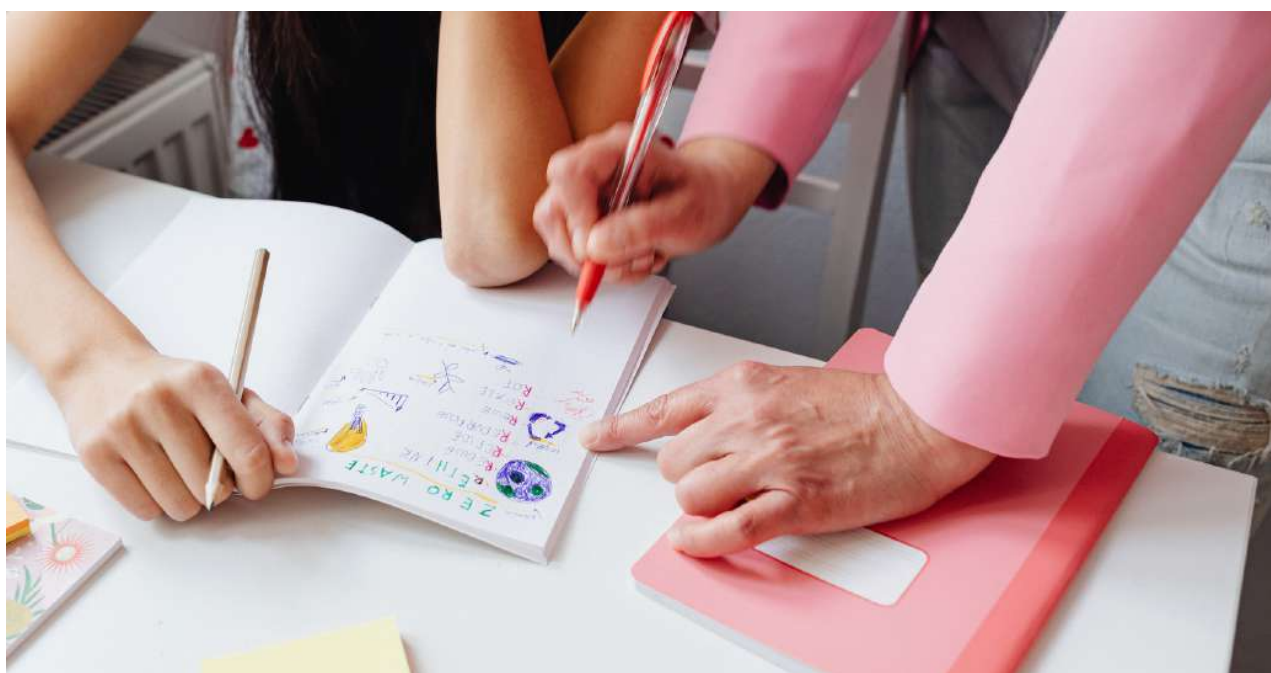
Câu chuyện của Minh cho thấy **yêu thích sử dụng công nghệ không có nghĩa là phù hợp với việc tạo ra nó**. Thoạt trông, việc Minh ra quyết định chọn ngành Phát triển phần mềm là có cơ sở vì em yêu thích sử dụng công nghệ, lại học giỏi môn này. Thế nhưng trên thực tế, chỉ cân nhắc yếu tố đó là chưa đủ. Minh đã bỏ sót những yếu tố khác của bản thân bao gồm các sở thích khác của em, tính cách của em, kỳ vọng của em cho công việc, và quan trọng hơn cả là em hầu như không thể hình dung được công việc của một lập trình viên là như thế nào. Chính sự thiếu sót về thông tin đó đã dẫn đến việc Minh và gia đình đưa ra lựa chọn chưa phù hợp với em.

Câu chuyện 2: Chọn nghề theo hình mẫu từ gia đình

Cha mẹ Khanh đều là giáo viên và mong muốn em tiếp nối công việc của mình. Bản thân Khanh rất thích học môn tiếng Anh, đã tham gia và đạt nhiều thành tích trong các cuộc thi có sử dụng tiếng Anh. Em thấy công việc của ba mẹ cũng đem lại cuộc sống ổn định cho gia đình. Đặc biệt, em rất thích những ngày lễ, Tết khi học trò cũ của ba mẹ đến thăm, mang theo những câu chuyện ấm áp về sự trưởng thành và lòng biết ơn. Vì vậy, em quyết định đăng ký và đã đậu vào ngành Sư phạm tiếng Anh tại một trường đại học danh tiếng.

Những ngày đầu đại học, Khanh tràn đầy hứng khởi. Em tự hào vì mình đã chọn một con đường “hợp lý” và có sẵn hình mẫu để noi theo. Nhưng rồi sự háo hức ấy dần phai nhạt.

Từ năm hai đại học, Khanh bắt đầu cảm thấy bối rối. Các môn học chuyên ngành không khó, nhưng cảm giác hứng thú không



Ảnh: Pexels/Kaboompics.com

còn như trước. Khanh nhận ra mình thích tiếng Anh, nhưng việc giảng dạy lại là chuyện khác. Những giờ thực hành sư phạm khiến em căng thẳng, không thấy niềm vui khi đứng lớp. Ngoài giờ lên giảng đường, khi bạn bè sôi nổi bàn luận về các phương pháp giảng dạy, Khanh lại thấy thờ ơ, không muốn tham gia.

Dần dần, Khanh tự hỏi: **Mình có thực sự muốn trở thành giáo viên không?**

Khi đi thực tập, sự hoài nghi này càng lớn. Khanh cảm thấy việc kiểm soát lớp học, tạo động lực cho học sinh, hay xử lý những tình huống bất ngờ không dễ dàng như tưởng tượng. Không còn những cảm giác tự hào như khi học trò cũ về thăm nhà ba mẹ nữa – thay vào đó là những áp lực mà Khanh chưa từng nghĩ tới.

Sự kỳ vọng của gia đình, nỗi sợ “học rồi bỏ phí,” và cảm giác hoang mang khiến Khanh rơi vào vòng luẩn quẩn. Em bắt đầu tìm hiểu các lựa chọn khác, từ biên - phiên dịch, truyền thông đến làm việc trong các tổ chức phi chính phủ. Nhưng việc chuyển hướng chưa bao giờ dễ dàng.



Ảnh: Sitthiphong



Trong câu chuyện trên, Khanh đã **lựa chọn một công việc vì những hình ảnh đẹp để của nó** vì những cảm xúc em nghĩ rằng công việc đó có thể đem lại cho em. Sự ủng hộ của gia đình và khả năng ngoại ngữ càng làm em tin rằng lựa chọn của mình là đúng và có cơ sở. Thực tế cho thấy, em đã quên cân nhắc tới những yếu tố khác bao gồm sở thích, tính cách và các năng lực khác (em đâu chỉ giỏi mỗi môn ngoại ngữ). Cũng như câu chuyện của Minh, em **quên tìm hiểu về bản chất công việc giáo viên để có thể hình dung xem bản thân mình sẽ như thế nào khi thực hiện công việc đó**. Vì thế, Khanh đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình học và có thể sẽ còn kéo dài khi em đi làm việc.

Câu chuyện 3: Đam mê và năng lực, liệu đã đủ để chọn nghề?

Đan rất yêu thích ngoại ngữ. Từ những năm cấp ba, em học tiếng Anh rất tốt, thường xuyên đạt điểm cao và giành giải trong các kỳ thi học sinh giỏi. Em thích cảm giác hiểu và sử dụng một ngôn ngữ khác, thích dịch các bài hát, phim ảnh, thậm chí còn giúp bạn bè sửa lỗi bài viết. Khi chọn ngành học, Đan không ngần ngại đăng ký ngành Biên - Phiên dịch, tin rằng với khả năng ngôn ngữ của mình, em sẽ có một công việc tốt sau khi ra trường.

Những năm đầu đại học, Đan hào hứng với các môn học về dịch thuật, ngữ pháp nâng cao và kỹ năng phiên dịch. Em không ngừng trau dồi từ vựng, luyện nghe nói và tham gia các cuộc thi dịch thuật. Đan tin rằng đây chính là con đường phù hợp nhất với mình.

Nhưng dần dà, khi tiếp xúc với các anh chị khóa trên, Đan nhận ra rằng nhiều người dù có chuyên môn tốt vẫn gặp khó khăn khi tìm việc. Công việc biên - phiên dịch không đơn giản như Đan nghĩ. Nhiều vị trí yêu cầu kinh nghiệm thực tế, chuyên môn sâu trong một lĩnh vực nhất định như y tế, pháp lý, công nghệ, chứ không chỉ giỏi tiếng Anh. Trong khi đó, sự phát triển mạnh mẽ của các công cụ dịch thuật tự động và AI đang dần thay thế nhiều công việc biên dịch cơ bản, khiến thị trường ngày càng thu hẹp.

Đan bắt đầu hoang mang, lo lắng: Tại sao trước đây mình không tìm hiểu kỹ hơn về nhu cầu lao động? Liệu AI có thể thay thế công việc mà mình đang theo đuổi không? Nếu ngành này không còn nhiều cơ hội như trước, mình nên làm gì tiếp theo?



Ảnh: Freepik/ jcomp



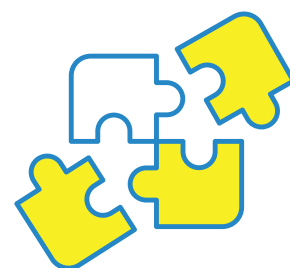
Câu chuyện của Đan là một điển hình cho thấy **sự phức tạp trong việc lựa chọn nghề nghiệp ngày nay**. Mười năm về trước, có thể quyết định của Đan đã là một quyết định tốt. Em chọn công việc tương thích với khả năng và sở thích nổi trội nhất của mình, và đó là nền tảng để em dễ dàng vượt qua những thách thức trong việc học và thuận lợi phát triển trong tương lai. Thế nhưng, trong thời đại công nghệ số ngày nay, quyết định này vẫn chưa đủ căn cứ vì em đã không tính đến yêu cầu cho người làm công việc

và xu hướng phát triển của ngành nghề. Em đã chọn một ngành mà các công cụ AI đang dần thay thế với hiệu suất và kết quả công việc cao hơn rất nhiều.

Ba câu chuyện trên là các ví dụ về những cách lựa nghề nghiệp điển hình của học sinh THPT hiện nay.



Các nhân vật trong mỗi câu chuyện đều tin rằng mình đã đưa ra những lựa chọn có cơ sở xác đáng và thấu đáo. Thế nhưng, với các đặc điểm của thế giới nghề nghiệp nêu ra ở phần I, quyết định lựa chọn nghề nghiệp đòi hỏi người ra quyết định ***cần nhiều thông tin hơn thế*** để có thể bảo đảm lựa chọn của mình là tối ưu cho bản thân và đáp ứng yêu cầu của thời đại. Một quyết định như thế được gọi là **“Quyết định nghề nghiệp đủ thông tin”**. Quyết định nghề nghiệp đủ thông tin không chỉ dựa vào đam mê hay năng lực, mà còn cần sự thấu hiểu về bản thân, yêu cầu công việc và xu hướng thị trường.



Nguồn Tham Khảo

1. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. (2015). *Hướng dẫn lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Foundation for Young Australians [FYA]. (2017). *The new work order*. Foundation for Young Australians.
3. Foundation for Young Australians [FYA]. (2020). *The new work standard*. Foundation for Young Australians.
4. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2013). *Tài liệu dành cho cha mẹ giúp con hướng nghiệp*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
5. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2013). *Kỹ năng tư vấn cá nhân về lựa chọn và phát triển nghề nghiệp*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Hooley, T. (2021). *Career education: Every teacher has a role (myfuture Insights series)*. Education Services Australia.
7. Inter-Agency Working Group on Career Guidance [WGCG]. (2021). *Investing in career guidance (Revised edition)*.
8. Schaffer, K., & Wiens, J. (2019). *Hướng nghiệp trong thực tế: Các hoạt động định hướng và phát triển nghề nghiệp (Hồ Hoàng Lan, Người dịch)*. CERIC.
9. The Asia Foundation. (2020). *The future of work across Asia*. The Asia Foundation.
10. Tổ chức Lao động Quốc tế [ILO]. (2021). *Chuẩn bị sẵn sàng cho nghề nghiệp: Đề xuất dành cho học sinh & sinh viên Việt Nam*.
11. Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc [UNICEF]. (2019). *Global framework on transferable skills*. United Nations Children's Fund.
12. World Economic Forum [WEF]. (2025). *Future of jobs report 2025*. World Economic Forum.